

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 45/2025/HSST

Ngày: 11 - 6 - 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Kim Sa

Các hội thẩm nhân dân :

1/ Ông Nguyễn Hoa Kiều

2/ Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đào Nương – Thư ký TAND huyện Chợ Gạo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 11 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Phan Văn H (tên gọi khác: Bảy C), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970, tại tỉnh Long An;

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: (không có); Trình độ văn hoá (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: (không có); quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H1 và bà Nguyễn Thị T; có vợ tên Trương Thị M; Tiền án, tiền sự: (Không có).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú của Công an, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1977 (có mặt)

Thường trú: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Nơi ở hiện nay: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị M, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn H có thời gian làm thuê cho ông Nguyễn Hữu T1, nên biết bên trong nhà kho tại vườn thanh long thuộc ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang của ông T1 có nhiều đồ dùng, thiết bị điện. Khoảng 19 giờ ngày 24/7/2024, Phan Văn H điều khiển xe mô tô biển số 63R1-8671 từ nhà đến nhà kho tại vườn thanh long của ông T1, và H sử dụng đoạn cây gỗ và nhặt dây vải tại vườn thanh long để buộc cố định thành cây móc, sau đó đưa cây qua khung cửa sổ vào bên trong nhà kho để móc từng cuộn dây điện ra bên ngoài. Sau khi móc được 14 cuộn dây điện, loại dây điện đôi hiệu Cadivi VCmd-2x1.5mm, H lấy 02 cái bao loại bao nylon tại vườn thanh long bỏ 14 cuộn dây điện vào và để lên xe mang về cất giấu tại bụi cây ven đường gần nhà. Đến khoảng 5 giờ 30 phút ngày 25/7/2024, H mang số dây điện trộm được đến bán cho ông C1 Kim Chi được số tiền 3.400.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông T1 gửi đơn đến Cơ quan Công an, qua xác minh đã xác định H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Trong quá trình điều tra, Phan Văn H còn khai nhận trước đó khoảng hơn 1 tháng, H có trộm 1 cuộn dây điện (tương tự) của ông T1 tại vườn thanh long thuộc ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, sau đó đem đến vừa phé liệu của ông Chung Kim C2, bán cho cháu của ông C2 tên là Phan Ngọc T2 với số tiền là 150.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá số 40/KL-ĐGTS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 14 cuộn dây điện, mỗi cuộn dài 60m, loại dây điện đôi Cadivi Vcmd-2x1,5mm² (xanh), mua mới vào tháng 6/2018. Giá 12.000 đồng/1m x 25% = 2.520.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị trộm là 2.520.000 đồng.

Căn cứ Bản Kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐGTS ngày 19/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 cuộn dây điện, chiều dài 60m, loại dây điện đôi Cadivi Vcmd-2x1,5mm², màu xanh, 0.6/1kV, được mua mới vào tháng 6/2018. Giá 12.000 đồng/1m x 60m x 30% = 216.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án:

- 01 (một) đoạn dây điện đôi, chiều dài 20cm, hiệu Cadivi Vcmd 2x1,5mm²-0,6/1KV, CuV-75, vỏ bọc bằng nhựa màu xanh. Đây là đoạn dây điện mà bị hại tự nguyện giao nộp để phục vụ công tác định giá tài sản.

- 01 (một) đoạn dây điện, chiều dài 30cm, không còn đọc được nhãn hiệu in trên vỏ (đã qua sử dụng đã cũ), vỏ bọc màu xanh; loại dây điện đôi, lõi dây bằng đồng, kích thước lõi 2x1,5mm². Đây là đoạn dây điện mà bị hại tự nguyện giao nộp để phục vụ công tác định giá tài sản.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, kiểu dáng Wave, màu đỏ-đen, gắn biển số 63R1-8671. Đây là xe mô tô bị cáo Phan Văn H sử dụng làm phương tiện phạm tội. Qua xác minh, xe mô tô biển số 63R1-8671 do ông Phan Văn T3, sinh năm 1974, ngụ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, ông Phan Văn T3 trình bày vào năm 2010 ông có mua lại và đứng tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 63R1-8671, đến

năm 2013 ông đã bán lại xe cho người khác (không nhớ họ tên, địa chỉ) không làm thủ tục sang tên, ông không có yêu cầu gì về xe mô tô biển số 63R1-8671. Bị cáo H trình bày xe này của vợ bị cáo là bà Trương Thị M quản lý, sử dụng, bà Trương Thị M trình bày khi ông H sử dụng xe đi trộm cắp tài sản thì bà M không biết.

- 01 (một) thanh gỗ, dạng trụ tròn, chiều dài 1,58 mét, màu xám, một đầu vót nhọn, một đầu có đường kính tiết diện 3,0 cm; đầu vót nhọn của thanh gỗ được cố định với một đoạn gỗ nhỏ dạng trụ tròn, chiều dài 24 cm, màu xám bằng sợi dây vải màu hồng. Đây là dụng cụ bị cáo H sử dụng để lấy trộm tài sản.

- 01 (một) thanh kim loại dạng trụ tròn rỗng, màu sáng bóng, chiều dài 94 cm (đoạn cần bình xịt thuốc bằng inox) được cố định với đoạn kim loại màu nâu, rỉ sét, chiều dài 49 cm (hai đầu có uốn cong dạng móc) bằng sợi dây vải màu đỏ.

- Thu giữ dữ liệu điện tử: 01 (một) đĩa DVD lưu trữ 02 đoạn camera ghi hình (thời lượng 43 giây và 03 phút 02 giây), ghi nhận diễn biến quá trình mua bán 02 bao tải chứa dây điện đã qua sử dụng (phế liệu) vào ngày 25/7/2024 tại vừa phế liệu khu phố B, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An; 01 (một) đĩa DVD lưu trữ 02 đoạn camera ghi hình (thời lượng 06 phút 28 giây và 02 phút 29 giây) ghi âm, ghi hình quá trình hỏi cung bị cáo và ghi nhận sự tự nguyện cam kết bồi thường dân sự của bị cáo Phan Văn H theo yêu cầu bị hại. (Chuyển kèm theo hồ sơ vụ án).

Quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Hữu T1 khai đã nhận bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, và yêu cầu bị cáo H tiếp tục bồi thường cho bị hại 45.000.000 đồng còn lại. Tuy nhiên hiện nay bị cáo không đồng ý tiếp tục bồi thường cho bị hại 45.000.000 đồng, đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền theo quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số 44/CT-VKSCG ngày 26/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Phan Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội như trên, những người tham gia tố tụng khác vẫn giữ nguyên lời trình bày trong quá trình điều tra.

- Bị hại T1 xác nhận đã thực tế nhận 5.000.000 đồng của bị cáo H bồi thường và yêu cầu bị cáo H tiếp tục bồi thường 45.000.000 đồng như đã thỏa thuận.

- Bị cáo H không đồng ý tiếp tục bồi thường cho bị hại Triệu 45.000.000 đồng, không yêu cầu bị hại Triệu trả lại phần trả lại phần chênh lệch giữa số tiền đã bồi thường là 5.000.000 đồng và số tiền giá trị tài sản đã trộm cắp là 2.520.000 đồng và 216.000 đồng.

- Hội đồng xét xử và kiểm sát viên đã giải thích cho bị hại T1 về việc phải chịu án phí nếu yêu cầu bị cáo H tiếp tục bồi thường 45.000.000 đồng không được chấp nhận.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định việc truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng là đúng người, đúng tội không có gì thay đổi và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. *Hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Phan Văn H mức án tù 6 tháng đến 12 tháng tù giam. *Hình phạt bổ sung:* Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập do đó không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) đoạn dây điện đôi, chiều dài 20cm, hiệu Cadivi Vcmd 2x1,5mm²- 0,6/1KV, CuV-75, vỏ bọc bằng nhựa màu xanh; 01 (một) đoạn dây điện, chiều dài 30cm, không còn đọc được nhãn hiệu in trên vỏ (đã qua sử dụng/đã cũ), vỏ bọc màu xanh; loại dây điện đôi, lõi dây bằng đồng, kích thước lõi 2x1,5mm²; 01 (một) thanh gỗ, dạng trụ tròn, chiều dài 1,58 mét, màu xám, một đầu vót nhọn, một đầu có đường kính tiết diện 3,0 cm; đầu vót nhọn của thanh gỗ được cố định với một đoạn gỗ nhỏ dạng trụ tròn, chiều dài 24 cm, màu xám bằng sợi dây vải màu hồng; 01 (một) thanh kim loại dạng trụ tròn rỗng, màu sáng bóng, chiều dài 94 cm (đoạn cần bình xịt thuốc bằng inox) được cố định với đoạn kim loại màu nâu, rỉ sét, chiều dài 49 cm (hai đầu có uốn cong dạng móc) bằng sợi dây vải màu đỏ

Trả lại cho chị Trương Thị M: 01 (một) xe mô tô hai bánh, kiểu dáng Wave, màu đỏ-đen, gắn biển số 63R1-8671.

Đôi với: 02 (hai) đĩa DVD. Đề nghị lưu kèm hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, xét thấy đã bồi thường phù hợp theo quy định nên không buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 45.000.000 đồng theo yêu cầu bị hại.

Án phí: theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các Tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên cũng như của Tòa án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo đã khai nhận: Bị cáo có thời gian làm thuê cho ông Nguyễn Hữu T1, nên biết bên trong nhà kho tại vườn thanh long thuộc ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang của ông T1 có nhiều đồ dùng, thiết bị điện. Khoảng 19 giờ ngày 24/7/2024, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 63R1-8671 từ nhà đến nhà kho tại vườn thanh long của ông T1, và sử dụng đoạn cây gỗ và nhặt dây vải

tại vườn thanh long để buộc cố định thành cây móc, sau đó đưa cây qua khung cửa sổ vào bên trong nhà kho để móc từng cuộn dây điện ra bên ngoài. Sau khi móc thì trộm được 14 cuộn dây điện, loại dây điện đôi hiệu Cadivi VCmd-2x1.5mm. Sau đó bị cáo lấy 02 cái bao loại bao nylon tại vườn thanh long bỏ 14 cuộn dây điện vào và để lên xe mang về cất giấu tại bụi cây ven đường gần nhà. Đến khoảng 5 giờ 30 phút ngày 25/7/2024, bị cáo mang số dây điện trộm được đến bán cho ông C1 Kim Chi được số tiền 3.400.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.520.000 đồng nên tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo bất chấp pháp luật, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu để lấy trộm tài sản, hành vi này không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý hoang man trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, vụ lợi, muốn hưởng thụ mà không chịu lao động chân chính tạo ra của cải vật chất thỏa mãn nhu cầu bản thân. Hành động này luôn bị xã hội lên án. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo mức án thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người tốt sống có ích cho xã hội đồng thời ngăn ngừa loại tội phạm này trong tình hình hiện nay.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

[3] Đối với nội dung yêu cầu xử lý hình sự của bị hại Nguyễn Hữu T1 về việc bị mất trộm 01 mô tơ điện, 200 cây cau giống (cây con), khoảng 85 cuộn dây điện (đã trừ 15 cuộn trộm bị phát hiện vào ngày 24/7/2024). Qua xác minh, điều tra, bị hại không trình báo Cơ quan Công an ngay sau khi bị mất, đồng thời bị cáo không thừa nhận có thực hiện hành vi trộm cắp những tài sản trên, không có chứng cứ nào chứng minh bị cáo trộm cắp tài sản khác của ông Nguyễn Hữu T1 nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Đối với lời khai của bị cáo Phan Văn H về việc thừa nhận nhiều lần lấy trộm dây điện tại nhà kho của ông Nguyễn Hữu T1 (bản tự khai ngày 21/9/2024 do con gái ruột của bị cáo tên Phan Thị Hồng X viết hộ, được bị cáo lặn tay điểm chỉ). Đến ngày 09/01/2025 bị cáo H không thừa nhận lời khai trên, nguyên nhân là do bị Công an xã đánh gây thương

tích ở tay và ép buộc khai báo. Qua xác minh, việc H bị đánh nhưng H không đi điều trị tại bất cứ cơ sở y tế khám chữa bệnh nào, không trình báo cơ quan chức năng giải quyết. Đồng thời, sự việc xảy ra không có người chứng kiến, không có camera ghi hình nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản 01 cuộn dây điện bị cáo H khai thực hiện trước đó vào đầu tháng 6/2024, do giá trị tài sản là 216.000 đồng (theo Kết luận định giá số 15/KL-ĐGTS ngày 19/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C) và bản thân Phan Văn H trước đây chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến hành vi xâm phạm sở hữu nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” mà chỉ xem xét xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với bà Trương Thị M là người đang quản lý, sử dụng xe mô tô biển số 63R1-8671. Qua làm việc, bà Trương Thị M không biết việc bị cáo H sử dụng xe đi trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý bà Trương Thị M là đồng phạm đối với hành vi trộm cắp tài sản.

Đối với ông Chung Kim C2 và anh Phan Ngọc T2 đã mua các cuộn dây điện mà Phan Văn H trộm cắp mà có. Qua làm việc, ông Chung Kim C2 và anh Phan Ngọc T2 không biết cuộn dây điện mà Phan Văn H bán do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với người tên T4 qua xác minh không xác định người tên T4 ở địa bàn xã L, huyện C, tỉnh Long An nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa tiến hành làm việc được.

[4] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu huỷ 01 (một) đoạn dây điện đôi, chiều dài 20cm, hiệu Cadivi Vcmd 2x1,5mm²-0,6/1KV, CuV-75, vỏ bọc bằng nhựa màu xanh; 01 (một) đoạn dây điện, chiều dài 30cm, không còn đọc được nhãn hiệu in trên vỏ (đã qua sử dụng đã cũ), vỏ bọc màu xanh; loại dây điện đôi, lõi dây bằng đồng, kích thước lõi 2x1,5mm²; 01 (một) thanh gỗ, dạng trụ tròn, chiều dài 1,58 mét, màu xám, một đầu vót nhọn, một đầu có đường kính tiết diện 3,0 cm; đầu vót nhọn của thanh gỗ được cố định với một đoạn gỗ nhỏ dạng trụ tròn, chiều dài 24 cm, màu xám bằng sợi dây vải màu hồng; - 01 (một) thanh kim loại dạng trụ tròn rỗng, màu sáng bóng, chiều dài 94 cm (đoạn cần bình xịt thuốc bằng inox) được cố định với đoạn kim loại màu nâu, rỉ sét, chiều dài 49 cm (hai đầu có uốn cong dạng móc) bằng sợi dây vải màu đỏ.

Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bà Trương Thị M 01 (một) xe mô tô hai bánh, kiểu dáng Wave, màu đỏ-đen, gắn biển số 63R1-8671.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự: Bị cáo Phan Văn H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất cho bị hại Nguyễn Hữu T1 giá trị tài sản đã trộm cắp là 2.520.000 đồng (theo Kết luận định giá số 40/KL-ĐGTS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C) và 216.000 đồng (theo Kết luận định giá số 15/KL-ĐGTS ngày 19/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C).

Tại phiên toà, bị hại Nguyễn Hữu T1 khai đã thực tế nhận 5.000.000 đồng của bị cáo Phan Văn H bồi thường và yêu cầu bị cáo H tiếp tục bồi thường 45.000.000 đồng như đã thoả thuận. Tuy nhiên, bị cáo H không đồng ý, phía bị hại Triệu không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo H là người trộm cắp các tài sản khác ngoài 15 cuộn dây điện nêu trên, do đó yêu cầu này của bị hại T1 là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

Như vậy, yêu cầu của bị hại T1 về việc bị cáo H phải tiếp tục bồi thường 45.000.000 đồng là không phù hợp với pháp luật và đã được Toà án giải thích việc phải chịu án phí nếu yêu cầu bồi thường thiệt hại đó không được chấp nhận, nhưng bị hại T1 vẫn yêu cầu Toà án giải quyết và không được chấp nhận, nên căn cứ điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị hại T1 phải chịu án phí là 2.250.000 đồng.

Tại phiên toà, bị cáo H trình bày không có yêu cầu bị hại T1 trả lại phần chênh lệch giữa số tiền đã bồi thường là 5.000.000 đồng và số tiền giá trị tài sản đã trộm cắp là 2.520.000 đồng và 216.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, bị cáo H đã bồi thường đủ thiệt hại vật chất cho bị hại T1.

- Từ những nhận định trên, ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Phan Văn H 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) đoạn dây điện đôi, chiều dài 20cm, hiệu Cadivi Vcmd 2x1,5mm²- 0,6/1KV, CuV-75, vỏ bọc bằng nhựa màu xanh; 01 (một) đoạn dây điện, chiều dài 30cm, không còn đọc được nhãn hiệu in trên vỏ (đã qua sử dụng đã cũ), vỏ bọc màu xanh, loại dây điện đôi, lõi dây bằng đồng, kích thước lõi 2x1,5mm²; 01 (một) thanh gỗ, dạng hình trụ tròn, chiều dài 1,58m, màu xám, một đầu vót nhọn, một đầu có đường kính tiết diện 3,0 cm; đầu vót nhọn của thanh gỗ được cố định với một đoạn gỗ nhỏ dạng trụ tròn, chiều dài 24 cm, màu xám bằng sợi dây vải màu hồng; 01 (một) thanh kim loại dạng trụ tròn rỗng, màu sáng bóng, chiều dài 94 cm (đoạn cần bình xịt thuốc bằng inox) được cố định với đoạn kim loại màu nâu, rỉ sét, chiều dài 49 cm (hai đầu có uốn cong dạng móc) bằng sợi dây vải màu đỏ.

- Trả lại cho bà Trương Thị M 01 (một) xe mô tô hai bánh, kiểu dáng Wave, màu đỏ-đen, gắn biển số 63R1-8671.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo)

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Phan Văn H đã bồi thường đủ thiệt hại vật chất cho bị hại Nguyễn Hữu T1.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Buộc bị cáo Phan Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị hại Nguyễn Hữu T1 phải chịu 2.250.000 (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo;
- Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Tiền Giang;
- Cơ quan thi hành án hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Sa